

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 16/2016/NQ-HĐND

Thanh Hóa, ngày 02 tháng 7 năm 2016

NGHỊ QUYẾT

Về việc quy định mức thu và quản lý, sử dụng kinh phí
bảo vệ, phát triển đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ KHÓA XVII, KỲ HỌP THỨ NHẤT

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa; Thông tư số 18/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 01 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa;

Xét Tờ trình số 80/TTr-UBND ngày 27 tháng 6 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 321/HĐND-KTNS ngày 28 tháng 6 năm 2016 của Ban kinh tế và Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Tán thành Tờ trình số 80/TTr-UBND ngày 27 tháng 6 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định mức thu và quản lý, sử dụng kinh phí bảo vệ, phát triển đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, với các nội dung sau:

I. VỀ MỨC THU TIỀN BẢO VỆ, PHÁT TRIỂN ĐẤT TRỒNG LÚA

1. Đối tượng và phạm vi áp dụng:

Các cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước giao đất, cho thuê đất chuyên trồng lúa nước là đất trồng được hai vụ lúa nước trở lên trong năm trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa để sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp theo quy định tại Điều 5, Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ.

2. Mức thu:

Mức thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa = 50% x diện tích x giá của loại đất trồng lúa.

Trong đó:

- Diện tích: Là phần diện tích đất chuyên trồng lúa nước chuyển sang đất phi nông nghiệp được xác định cụ thể theo quyết định thu hồi đất, giao đất, chuyển mục đích sử dụng đất của cơ quan có thẩm quyền.

- Giá của loại đất trồng lúa tính theo bảng giá đất đang được áp dụng tại thời điểm chuyển mục đích sử dụng đất do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.

3. Thời gian thực hiện: Từ ngày 01 tháng 7 năm 2015.

II. VỀ QUẢN LÝ, SỬ DỤNG KINH PHÍ BẢO VỆ, PHÁT TRIỂN ĐẤT TRỒNG LÚA

1. Nguồn kinh phí.

Nguồn kinh phí để thực hiện chính sách bảo vệ, phát triển đất trồng lúa bao gồm:

1.1. Nguồn thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa hằng năm trên địa bàn tỉnh.

1.2. Nguồn kinh phí Trung ương bổ sung cho tỉnh theo quy định tại Khoản 2, Điều 7 Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ.

1.3. Nguồn sự nghiệp kinh tế trong dự toán ngân sách hàng năm (gồm ngân sách cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã) bố trí cho các mục tiêu nâng cấp, sửa chữa, kiên cố hóa kênh mương, hồ đập, đập dâng và các mục tiêu phục vụ bảo vệ, phát triển đất trồng lúa; các nguồn huy động hợp pháp khác.

2. Quản lý, sử dụng nguồn kinh phí.

2.1. Phân bổ 35% kinh phí từ nguồn thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa và nguồn Trung ương bổ sung cho các huyện, thị xã, thành phố (gọi chung là huyện) theo diện tích đất trồng lúa được xác định theo số liệu thống kê đất đai do Sở Tài nguyên và Môi trường, Bộ Tài nguyên và Môi trường công bố của năm liền kề trước năm phân bổ ngân sách, cụ thể như sau:

$$\text{Kinh phí Phân bổ cho huyện} = \frac{35\% \times \text{Tổng nguồn kinh phí}}{\text{Tổng diện tích đất trồng lúa cả tỉnh}} \times \text{Diện tích đất trồng lúa của huyện}$$

Các địa phương sử dụng nguồn kinh phí được hỗ trợ, kết hợp với nguồn sự nghiệp kinh tế trong dự toán ngân sách cấp huyện, cấp xã hàng năm để thực hiện các mục tiêu sau:

- Thực hiện nạo vét, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp các công trình hạ tầng nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn (ưu tiên hệ thống kênh mương nội đồng, hệ thống giao thông, thủy lợi vừa và nhỏ do địa phương quản lý).

- Hỗ trợ các cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn thực hiện công tác khai hoang đất chưa sử dụng hoặc phục hóa đất bỏ hoang thành đất trồng lúa nước.

- Cải tạo nâng cao chất lượng đất chuyên trồng lúa nước hoặc đất trồng lúa nước còn lại.

- Hỗ trợ trực tiếp cho người trồng lúa để áp dụng giống mới, tiến bộ kỹ thuật, công nghệ mới trong sản xuất lúa: Áp dụng Điều 12, Điều 14 Nghị định số 02/2010/NĐ-CP ngày 8 tháng 01 năm 2010 của Chính phủ về khuyến nông và theo quy định tại Thông tư liên tịch số 183/2010/TTLT-BTC-BNN ngày 15 tháng 11 năm 2010 của Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước cấp đối với hoạt động khuyến nông.

- Hỗ trợ liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm: Thực hiện theo Quyết định số 62/2013/QĐ-TTg ngày 25 tháng 10 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn và văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính.

2.2. Phân bổ 65% kinh phí từ nguồn thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa và nguồn Trung ương bổ sung cho ngân sách cấp tỉnh; kết hợp với nguồn sự nghiệp kinh tế trong dự toán ngân sách tỉnh hàng năm để thực hiện các nội dung sau:

- Thực hiện việc quy hoạch, lập bản đồ, phân tích chất lượng hóa, lý tính các vùng đất chuyên trồng lúa nước có năng suất, chất lượng cao định kỳ 10 năm.

- Đầu tư xây dựng, sửa chữa, nâng cấp các công trình hạ tầng nông nghiệp, nông thôn phục vụ tưới cho diện tích đất sản xuất nông nghiệp lớn hơn 5 ha, như: Công trình hồ chứa, đập dâng, công trình trạm bơm và hệ thống kênh chính sau công trình đầu mối.

- Thực hiện các mục tiêu khác phục vụ công tác bảo vệ, phát triển đất trồng lúa theo quy định tại Thông tư số 18/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 01 năm 2016 của Bộ Tài chính.

3. Thời gian thực hiện: Từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh:

1. Căn cứ Nghị quyết này và các quy định của pháp luật hiện hành ban hành quy định mức thu và quản lý, sử dụng kinh phí bảo vệ, phát triển đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh; tổ chức triển khai thực hiện; định kỳ báo cáo kết quả với Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Hàng năm, căn cứ vào kế hoạch chuyên đất chuyên trồng lúa nước sang sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp trên địa bàn tỉnh, dự kiến khoản thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa để tổng hợp vào dự toán thu, chi ngân sách địa phương trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định.

3. Báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định danh mục các công trình hạ tầng nông nghiệp, nông thôn phục vụ tưới cho diện tích đất sản xuất nông nghiệp được đầu tư từ nguồn thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa, nguồn Trung ương bổ sung, nguồn sự nghiệp kinh tế trong dự toán ngân sách tỉnh hàng năm.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hoá Khoá XVII, Kỳ họp thứ Nhất thông qua ngày 02 tháng 7 năm 2016 và có hiệu lực từ ngày 13 tháng 7 năm 2016./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng QH, VP Chủ tịch nước, VP Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra VB - Bộ Tư pháp;
- TTr: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Đại biểu QH, đại biểu HĐND tỉnh;
- VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH, HĐND, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- UBMTTQ tỉnh và các đoàn thể cấp tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Trịnh Văn Chiến